

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY ĐỨC  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 26 - 9 - 2022  
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Triệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Duy Kiên và ông Lưu Ngọc Khoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1986 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1989 – vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 2, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:* Anh Nguyễn Văn S kết hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H năm 2010, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nguyên nhân là do hai vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống nên không tôn trọng lẫn nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết nên anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Anh S cho rằng tình cảm đối với chị H không còn, hai bên đã không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện TĐ giải quyết cho ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày 05/12/2010 và Nguyễn Bảo M, sinh ngày 27/02/2017, hiện đang sinh sống cùng anh S. Anh S đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy H nhưng chị H vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa. Kết quả xác minh của Tòa án xác định chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông, hiện chưa cắt chuyển khẩu khỏi địa phương, anh S và chị H hiện không còn chung sống với nhau tại địa chỉ này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm: Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tông đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên đề nghị xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S, cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày 05/12/2010 và Nguyễn Bảo M, sinh ngày 27/02/2017 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh S không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002183 ngày 03/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H có nơi cư trú tại thôn 2, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông do đó đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của anh S với chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 12/4/2010, anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Thúy H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị H là hợp pháp.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị H đã tồn tại mâu thuẫn kéo dài, anh S cho rằng cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh S và chị H đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Anh S khẳng định hiện nay không còn tình cảm và không còn quan tâm đến chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa anh S và chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh S với chị H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn S có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày 05/12/2010 và Nguyễn Bảo M, sinh ngày 27/02/2017 đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hiện tại anh S và chị H đã sống ly thân, các con chung đều do anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị H

vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có quan điểm trình bày, vì vậy cần giao các con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh S không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo Nh, sinh ngày 05/12/2010 và Nguyễn Bảo M, sinh ngày 27/02/2017 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị Thúy H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có quyền ngăn cản. Nếu chị H lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con là anh S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H.

Anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Thúy H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng khi cần thiết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh S đã nộp theo biên lai số 0002183 ngày 03/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã TT, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký, đóng dấu)**

**Nguyễn Xuân Triệu**

UNREGISTERED

Unregistered

Unregistered